



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH GIA LAI**

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**Thực trạng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2023
và một số giải pháp phát triển kinh tế đến năm 2025**



Gia Lai, tháng 8 năm 2023

Số: /BC-CTK

Gia Lai, ngày 31 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
Thực trạng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2023
và một số giải pháp phát triển kinh tế đến năm 2025

Trong giai đoạn 2021 - 2023, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai đạt được kết quả khả quan trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm đúng mức và có bước phát triển vượt bậc. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và hỗ trợ doanh nghiệp có sự chuyển biến tích cực. An ninh chính trị được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh vẫn chưa bền vững; trình độ ứng dụng khoa học công nghệ theo diện rộng và chiều sâu còn nhiều hạn chế; các lĩnh vực được xem là hướng đột phá như công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch... vẫn còn thiếu những quyết sách, cơ chế mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế; thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân...

Cục Thống kê tỉnh Gia Lai đánh giá thực trạng kết quả kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2023

1.1. Tăng trưởng kinh tế:

Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2023, bình quân hàng năm ước tăng 9,10%. Phân theo khu vực: Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản) ước tăng 3,97%; Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng) ước tăng 18,35%, trong đó công nghiệp ước tăng 22,81%; Khu vực III (Dịch vụ) ước tăng 7,37%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước tăng 6,83%.

Cơ cấu GRDP trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2023: Khu vực I (Nông, Lâm, Thủy) chiếm tỷ trọng 28,02%; Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng) chiếm 26,89%, trong đó công nghiệp chiếm 20,63%; Khu vực III (Dịch vụ) chiếm 40,74%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,25%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng.

1.2. Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2023

1.2.1. Nông, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh 2010): Năm 2021 đạt 31.152 tỷ đồng, tăng 2,94% so với cùng kỳ; Năm 2022 ước đạt 32.058 tỷ

đồng, tăng 4,55% so với cùng kỳ; Năm 2023 ước đạt 33.515 tỷ đồng, tăng 4,55% so với cùng kỳ. Bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 3,46%.

Tính đến nay, toàn tỉnh hiện có 203 dự án chăn nuôi đang được các nhà đầu tư quan tâm với tổng diện tích 9.328,41 ha, tổng vốn đầu tư 34.423,11 tỷ đồng. Trong đó: Có 67 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích 2.255,25 ha, tổng vốn đăng ký 10.904,98 tỷ đồng; trong đó 25 dự án đã đi vào hoạt động, với 49.094 con bò, 201.915 con heo.

Tổng diện tích gieo trồng đến năm 2022 đạt 572.304,29 ha. Trong đó, có khoảng 233.522,89 ha cây trồng các loại sản xuất theo hướng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, Organic, Rainforest Alliance, FLO; 42.458,6 ha diện tích cây trồng ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (nhân dân 33.219,8 ha; doanh nghiệp 9.096 ha; nhà nước 142,8 ha. Giai đoạn 2021 - 2022, các địa phương đã thực hiện chuyển đổi 4.956,35 ha sang các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn; tái canh 1.688 ha/2.215 ha cà phê, đạt 76% kế hoạch đề ra. Cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp từng bước phát triển tuy nhiên mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu về sản xuất và chế biến nông, lâm sản trên địa bàn. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là chế biến thô, việc chế biến sâu các sản phẩm chiếm tỷ lệ còn thấp. Nhìn chung, năng suất, sản lượng hầu hết các loại cây trồng đều đạt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ.

Công tác quản lý chất lượng nông sản ngày càng được quan tâm, đảm bảo các tiêu chuẩn về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, góp phần thúc đẩy thị trường xuất khẩu nông sản của tỉnh. Việc đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ngày càng phát triển, đặc biệt là lĩnh vực rau quả và chăn nuôi. Các cây công nghiệp chủ lực được đầu tư phát triển theo chiều sâu, gắn với thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh tế. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phù hợp, hiệu quả.

Hình thành các chuỗi liên kết, phát triển sản xuất gắn với chế biến, phát triển các vùng chuyên canh tập trung, các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, tạo ra các loại hàng hóa có tính cạnh tranh gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ; phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; chú trọng phát triển các sản phẩm đặc trưng của tỉnh góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị.

Đến nay, toàn tỉnh đã được cấp 146 mã số vùng trồng và 32 mã số cơ sở đóng gói nông sản với tổng công suất đóng gói khoảng 1.245 - 1.395 tấn quả tươi/ngày, chủ yếu trái cây xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Hoa Kỳ...; 295 nhãn hiệu hàng hóa nông sản đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ; 311 sản phẩm Ocop đạt 3 - 4 sao cấp tỉnh.

1.2.2. Công nghiệp - Xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng (theo giá so sánh 2010): Năm 2021 đạt 26.876 tỷ đồng, tăng 14,49% so với cùng kỳ; Năm 2022 ước đạt 29.333 tỷ đồng, tăng 9,14% so với cùng kỳ; Năm 2023 ước đạt 31.474 tỷ đồng, tăng 7,30% so với cùng kỳ. Bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 10,27%.

Giai đoạn 2021-2023 tăng trưởng cao nhất là ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng bình quân 21,94%, tăng trưởng thấp nhất là ngành xây dựng tăng 4,34%.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, một số nhà máy điện gió cùng với các nhà máy điện mặt trời áp mái đi vào hoạt động sản xuất trong năm 2020 và phát huy công suất trong năm 2021 đã giúp cho ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước: Năm 2021 đạt 7.789 tỷ đồng, tăng 39,04% so với cùng kỳ; Năm 2022 ước đạt 9.517 tỷ đồng, tăng 22,20% so với cùng kỳ; Năm 2023 ước đạt 10.158 tỷ đồng, tăng 6,73% so với cùng kỳ. Bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 21,94%.

1.2.3. Dịch vụ

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ (theo giá so sánh 2010): Năm 2021 đạt 30.795 tỷ đồng, tăng 4,48% so với cùng kỳ; Năm 2022 ước đạt 33.639 tỷ đồng, tăng 9,24% so với cùng kỳ; Năm 2023 ước đạt 35.597 tỷ đồng, tăng 5,82% so với cùng kỳ. Bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 6,49%.

Giai đoạn 2021-2023 tăng trưởng chủ yếu là ở các ngành: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 12,07%; Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,80%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 10,78%; Nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 10,37%; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,10%; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 7,71%.

1.2.4. Tình hình hoạt động xuất nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2021 của tỉnh đạt 610 triệu USD, đạt 100% kế hoạch năm và tăng 5,17% so với cùng kỳ năm trước; năm 2022 đạt 660 triệu USD, đạt 100% kế hoạch năm và tăng 8,2% so với cùng kỳ; năm 2023 ước đạt là 680 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 7,94%¹.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 đạt 915 triệu USD, đạt 963,16% kế hoạch và tăng 10,16 lần với cùng kỳ năm trước; năm 2022 đạt 140 triệu USD, đạt 140% kế hoạch, giảm 84,6% so cùng kỳ năm trước; năm 2023 ước đạt 110 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 5,92%.

1.2.5. Tài chính

Tỉnh Gia Lai đã triển khai đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 vừa phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng thu bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2023 ước đạt 13,6%, giai đoạn 2021-2025 ước đạt 14,1% (trong đó tổng thu NSNN trên địa bàn: năm 2020 là 4.582,4 tỷ đồng, năm 2023 là 5.910 tỷ đồng, đạt và vượt chỉ tiêu đã đề ra.

Nhìn chung, việc triển khai dự toán chi cơ bản đảm bảo tiến độ; công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi

¹ Mặt hàng xuất khẩu chủ lực là hàng nông sản với một số mặt hàng như: cà phê, cao su, sắn lát, tiêu, sản phẩm gỗ..., các sản phẩm này đã có mặt trên thị trường của gần 40 quốc gia. Đặc biệt một số ngành hàng đã đáp ứng được yêu cầu chất lượng đối với thị trường khó tính như: Mỹ, EU, Nhật Bản... Theo số liệu thống kê cho thấy, những năm gần đây, giá trị kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nông sản chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh.

theo dự toán HĐND tỉnh giao, thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ngành ngân hàng triển khai hiệu quả công tác tiền tệ, ngân hàng. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh công tác huy động vốn bằng các hình thức ngày càng đa dạng, phong phú. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận vốn vay ngân hàng do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 trên địa bàn tỉnh. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân nắm bắt và tiếp cận vốn vay với lãi suất phù hợp, hạn chế tín dụng đen; tập trung đầu tư vốn tín dụng có trọng tâm, trọng điểm góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2.6. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng

Qua nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, tỉnh đã đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông kết nối, các khu công nghiệp để thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tính từ năm 2021 lũy kế đến quý I năm 2023 ước đạt 114.499,5 tỷ đồng.

*** Hạ tầng giao thông:**

Từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh nâng cấp và xây dựng mới được khoảng 998 km đường các loại. Công tác đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng, tập trung vốn cho các công trình dự án cấp bách, trọng điểm, ưu tiên các dự án nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ huyết mạch. Tăng cường đầu tư xây dựng giao thông nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phục vụ công tác giảm nghèo, bảo đảm cho tất cả các xã có đường ô tô được cứng hóa vào đến trung tâm xã. Với hệ thống 06 quốc lộ 764 km (bao gồm 02 tuyến tránh thành phố Pleiku, tuyến tránh huyện Chư Sê), 10 tuyến đường tỉnh 372 km cùng kết nối với gần 11.726 Km đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường thôn làng, đường chuyên dùng... tạo nên một mạng lưới giao thông cơ bản hoàn chỉnh, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh Gia Lai và khu vực Tây Nguyên.

*** Hạ tầng khu, cụm công nghiệp:** hiện tại, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 03 Khu công nghiệp (KCN) và 01 Khu kinh tế (KKT), trong đó:

Khu công nghiệp Trà Đa có tổng diện tích 210,7 ha được hình thành từ năm 2003, đến nay hạ tầng kỹ thuật được đầu tư hoàn chỉnh, toàn bộ diện tích cho thuê cơ bản đã được lấp đầy. Hiện có 56 nhà đầu tư, thực hiện 62 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 3.509 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư đã thực hiện 2.571 tỷ đồng; đạt 73,25% tổng vốn đầu tư đăng ký. Trong đó: có 05 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, vốn đầu tư đăng ký là 454,5 tỷ đồng và vốn đầu tư thực hiện là 446,5 tỷ đồng.

Đến nay có 36 nhà đầu tư thực hiện 40 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 556,6 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư thực hiện 242,8 tỷ đồng (đạt 43,6% tổng vốn đầu tư đăng ký). Trong đó: có 11 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 20 dự án đang xây dựng, 09 dự án đang làm thủ tục. Các dự án chủ yếu hoạt động thương mại, dịch vụ, kinh doanh kho bãi phù hợp với khu vực cửa khẩu. Bước đầu đã có 04 dự án đầu tư tại Khu công nghiệp - KKTCK (02 dự án chế biến sản xuất gỗ, hàng nội thất xuất khẩu và 02 dự án chế biến nham)..

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nam Pleiku - tỉnh Gia Lai đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 517,5 tỷ đồng với diện tích 191,55 ha. Ngày 16/02/2022, UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Nam Pleiku (Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 16/02/2022). Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku đã được Bộ xây dựng thẩm định tại Văn bản số 369/HĐXD-QLTK ngày 07/11/2022 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng. Hiện nay, Nhà đầu tư đang trình Bộ xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở các hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku để triển khai các bước tiếp theo. Tuy nhiên, dự án đang gặp khó khăn về công tác đấu nối thoát nước mưa do hạng mục tuyến sau tràn xả lũ của hồ thủy lợi Ia Ring chưa được triển khai và công tác BTGPMB tuyến kênh xả hạ lưu thuộc huyện Chư Sê; tuyến đường giao thông D3 do chưa bổ sung kế hoạch sử dụng đất, danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tỉnh tăng cường thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp của tỉnh, tạo mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ở vùng nông thôn phát triển. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 16 cụm công nghiệp, trong đó có 11 cụm đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, 07 cụm đã tiến hành đền bù, giải phóng mặt bằng. Có 12/16 cụm công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, diện tích đất đã được cho thuê và đang làm thủ tục cho thuê 73,57 ha, chiếm 18,79% và chiếm 49,87% diện tích đã đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy trong cụm công nghiệp.

* *Về hạ tầng năng lượng:* Hệ thống cấp điện được đầu tư phát triển nhanh, bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên địa bàn tỉnh có 50 dự án thủy điện đang vận hành với tổng công suất 2.246,15 MW, 02 dự án thủy điện đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang triển khai đầu tư xây dựng với tổng công suất 21 MW; 02 dự án nhà máy điện sinh khối từ bã mía với tổng công suất 144,6 MW đi vào vận hành. Hiện có 09 dự án điện mặt trời được bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh/quốc gia với tổng công suất 787 MWp. Có 3.247 hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất 603,822 MWp. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 17 dự án điện gió được bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh/quốc gia, chấp thuận chủ trương đầu tư và triển khai đầu tư xây dựng với tổng quy mô công suất 1.242,4 MW. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Gia Lai còn có 14 dự án điện mặt trời với tổng quy mô công suất là 3.975 MWp, 96 dự án điện gió với tổng quy mô công suất 12.357,4 MW đã được UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung quy hoạch.

Về lưới điện, hiện trạng lưới điện nông thôn trên địa bàn tỉnh có 5.135,6 km đường dây trung áp, 5.553 trạm biến áp với tổng công suất 1.483.958 kVA, 5.218,23

km đường dây hạ áp. Số hộ được cấp điện từ hệ thống điện quốc gia là 412.172/412.204 hộ, đạt 99,99%. Trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Gia Lai sẽ triển khai 02 dự án lưới điện nông thôn với tổng vốn đầu tư 1.217 tỷ đồng.

* *Hạ tầng thương mại:* được đầu tư và phát triển phù hợp với quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Mạng lưới bán buôn, bán lẻ từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Trên địa bàn tỉnh có 102 chợ trong quy hoạch và 18 siêu thị. Có 03 tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, 07 thương nhân đầu mối, 07 thương nhân phân phối xăng dầu, 422 cửa hàng bán lẻ xăng dầu; hiện có 465 cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ LPG chai; 05 đơn vị đầu mối, tổng đại lý LPG; 05 thương nhân bán buôn rượu; 06 thương nhân bán buôn thuốc lá. Dự án Chợ đầu mối Tây Nguyên tại xã K'Dang, huyện Đak Đoa; Dự án “Trung tâm Logistics quốc tế Tây Nguyên” dự kiến triển khai sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

* *Hạ tầng thủy lợi:* được quan tâm đầu tư với quy mô lớn² nhằm bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có gần 400 công trình thủy lợi kiên cố với tổng năng lực thiết kế tưới cho 67.411 ha. Các công trình thủy lợi đã phát huy được năng lực, hiệu quả, phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, thủy điện, thủy sản, cải tạo tiểu vùng khí hậu.

* *Hạ tầng thông tin truyền thông:* hạ tầng CNTT đã được đầu tư, nâng cấp; 100% cơ quan có mạng nội bộ, kết nối mạng diện rộng (WAN) và Internet băng thông rộng. Trung tâm tích hợp dữ liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin dùng chung; Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh đã triển khai đồng bộ từ tỉnh đến tất cả UBND cấp xã ... Hạ tầng và dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến nay, đã phủ điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ tại 100% xã thuộc tỉnh; 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng điện thoại 3G, 4G đến thôn, làng; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 50%, tỷ lệ người dân sử dụng Internet hơn 57%; tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động, thiết bị thông minh đạt hơn 61% dân số trưởng thành và đã từng bước tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số phục vụ đời sống. Doanh thu bưu chính, viễn thông hàng năm đạt khoảng 1.300 tỷ đồng/năm; góp phần vào ngân sách của tỉnh bình quân đạt 55 tỷ đồng/năm. Tỉnh đã có Trung tâm Phục vụ hành chính công và hoạt động rất hiệu quả.

* *Hạ tầng du lịch:* vốn đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch chủ yếu các doanh nghiệp trong tỉnh huy động từ nguồn tự có và vốn vay, chưa thu hút được nguồn vốn nước ngoài và liên doanh, liên kết³. Tổng vốn đầu tư hạ tầng Biển Hồ và Đường vào Khu di tích Tây Sơn Thượng Đạo (13,24 tỷ); dự án chống sạt lở xung quanh Tượng phật Quan thế âm Bồ tát khu Lâm viên Biển Hồ, thành phố Pleiku (13,35 tỷ); Dự án bảo

² Thủy lợi Ia Mơ (giai đoạn 2), thủy lợi hồ chứa nước Plei Thơ Ga, hồ chứa nước Tàu Dầu II, Thủy lợi Pleikeo...

³ Vốn đầu tư cơ sở vật chất năm 2021-2022 là 352 tỷ đồng chủ yếu đầu tư, nâng cấp các cơ sở lưu trú, đầu tư một số điểm tham quan (Farmstay Sâm Phát Ia Ly, khách sạn Lamia, Luxury, An Sinh, nâng cấp khách sạn Pleiku và Thiên Đường Xanh).

tôn, tôn tạo di tích Tây Sơn Thượng đạo, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai (20 tỷ); dự án "Xây dựng cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch" (17 tỷ); dự án đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Kon Ka Kinh (36,5 tỷ); dự án đầu tư xây dựng phục vụ bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng (15 tỷ);

* *Hạ tầng khoa học và công nghệ*: Giai đoạn 2021-2023, thực hiện chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện 4 dự án:

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm trọng điểm tại tỉnh Gia Lai (Quyết định số 1138/QĐ- UBND ngày 30/12/2021; TMĐT: 45.000 triệu đồng);

- Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng (Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; TMĐT: 20.000 triệu đồng);

- Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm KH&CN; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen (Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 07/12/2021, TMĐT: 20.000 triệu đồng);

- Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghệ lần thứ 4 (4.0) (Quyết định số 407/NQ-HĐND Gia Lai, ngày 17/6/2021, TMĐT: 20.000 triệu đồng).

1.2.7. Tình hình về xã hội và môi trường

a. Về y tế

Công tác y tế khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh ngày càng tiến bộ, nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao đã được thực hiện, chất lượng chuyên môn y tế các tuyến từng bước được nâng lên. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển, được bố trí theo các tuyến kỹ thuật từ thấp đến cao (từ xã đến huyện và tỉnh), bảo đảm tính liên tục về cấp độ chuyên môn, góp phần khắc phục tình trạng quá tải cho các bệnh viện tuyến trên. Đến nay, toàn tỉnh có 4.894 cán bộ y tế (trong đó có 918 bác sĩ). Về trình độ chuyên môn có 03 tiến sĩ, 20 bác sĩ chuyên khoa II, 265 bác sĩ chuyên khoa I, 639 bác sĩ đa khoa, 298 dược sĩ, 1.086 điều dưỡng, 465 y sĩ, 244 kỹ thuật viên, 468 hộ sinh và 437 cán bộ thuộc chuyên ngành khác.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,15% năm 2020, năm 2023 giảm còn 1,14%; Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã từ 90% năm 2020, tăng lên 94% vào năm 2023; Số bác sĩ/vạn dân tăng từ 8,0 năm 2020 lên 8,5 năm 2023.

Công tác y tế dự phòng được triển khai đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả. Các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được duy trì và triển khai có hiệu quả; các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe đạt và vượt kế hoạch đề ra hàng năm. Công tác xã hội hóa y tế có nhiều chuyển biến tích cực: hệ thống y tế tư nhân của tỉnh cũng như số lượng người tham gia hành nghề y, dược tư nhân ngày càng tăng, góp phần tích cực trong việc khám chữa bệnh và giảm tải các bệnh viện công lập.

b. Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo

Đến nay, toàn tỉnh có 1.029 cơ sở giáo dục không tăng so với năm học 2020-2021, gồm 266 trường mầm non, 495 trường phổ thông, 267 cơ sở giáo dục thường

xuyên và 01 trường cao đẳng sư phạm trực thuộc tỉnh. Chất lượng giáo dục có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ huy động học sinh đi học mẫu giáo, tiểu học, THCS và THPT đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT toàn tỉnh tăng bền vững, kết quả đỗ tốt nghiệp THPT năm 2020 đạt 97,53% (riêng khối THPT đạt 99,5%); năm 2021, tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 97,98%, tăng 0,45% so với năm 2020; năm 2022, tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 98,33%, tăng 0,35% so với năm 2021. Số trường học đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh là 449/761 trường, đạt 59,0% (tăng 8,5% so với năm 2020). Hệ thống GDTX tiếp tục duy trì với số lượng 1.619 học viên, trong đó học viên cấp THCS 110 người, học viên cấp THPT 1.509 người. Giáo dục vùng dân tộc thiểu số (DTTS) từng bước được nâng lên về quy mô và chất lượng, hệ thống trường PTDT nội trú, bán trú tiếp tục được duy trì, giữ vững.

Tập trung triển khai công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được chú trọng.

c. Về lao động - việc làm:

Vấn đề việc làm và tìm kiếm thị trường lao động đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Tính từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 59.360 người (năm 2021: 26.150 người, năm 2022: 26.260 người, quý I năm 2023: 6.950 người), trong đó đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 1.530 người.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp chất lượng lao động trên địa bàn tỉnh ngày càng được khẳng định và nâng cao, dần đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động; chú trọng công tác phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, đặc biệt quan tâm tuyển sinh tại vùng khó khăn, vùng đông học sinh dân tộc thiểu số và các trường THCS dân tộc nội trú, bán trú. Đặc biệt, quan tâm đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Bình quân hàng năm đào tạo nghề cho trên 11.000 người; trong giai đoạn 2021 – quý I năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo nghề cho 27.379 người (năm 2021: 11.612 người, năm 2022: 13.781 người, quý I năm 2023: 1.986 người), nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 36,95% năm 2021 lên 38,42% năm 2022 và quý I năm 2023 đạt 38,63%, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh tăng dần qua từng năm. Cụ thể: năm 2021 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57%, năm 2022 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 59,3% và dự kiến đến năm 2025 đạt 65%.

d. Văn hóa - thể dục thể thao

Toàn tỉnh có 38 di tích, cụm di tích đã được xếp hạng, gồm: Quần thể di tích lịch sử Tây Sơn Thượng đạo với 09 cụm di tích, di tích khảo cổ Rộc Tung - Gò Đá được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt, 07 di tích quốc gia và 21 di tích cấp tỉnh.

Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh; coi trọng bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được quan tâm đúng mức; công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống và phòng chống bạo lực gia đình, ngăn ngừa các hành vi

ngược đãi đã phát huy hiệu quả. Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa; thôn, tổ dân phố văn hóa, có trọng tâm, trọng điểm.

Triển khai có hiệu quả việc thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” giai đoạn 2021-2030; Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030; triển khai Đề án quy hoạch phát triển TDTT tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; kế hoạch tổ chức tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân giai đoạn 2020-2030. Tổ chức thành công Đại hội Thể dục thể thao các cấp năm 2021 và Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Gia Lai lần thứ IX năm 2022.

Hoạt động du lịch giảm đáng kể do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021, các chỉ tiêu chỉ bằng 40,0% so với các năm trước, chỉ đạt 47,0% so với kế hoạch UBND tỉnh đề ra. Năm 2022, sau khi dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, hoạt động kinh doanh du lịch có sự phục hồi đáng kể, tổng lượt khách du lịch tăng 13,6% so với năm 2019, đạt 113% so với kế hoạch, tổng thu du lịch tăng 21,6% so với năm 2019 (thời điểm trước dịch Covid-19), đạt 124,0% so với Kế hoạch. Hoạt động kinh doanh du lịch 6 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ, tổng lượt khách tham quan, du lịch ước đạt 355.000 lượt, tăng 178% so với cùng kỳ, trong đó: khách quốc tế ước đạt 1.100 lượt, khách nội địa ước 353.900 lượt; tổng thu du lịch ước đạt khoảng 190 tỷ đồng, tăng 190% so với cùng kỳ. Duy trì tổ chức các sự kiện để xây dựng hình ảnh điểm đến Gia Lai.

Duy trì các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử, kết nối các điểm du lịch kết hợp với các công trình về kinh tế, chính trị như: Quần thể di tích quốc gia đặc biệt Tây Sơn Thượng đạo; làng kháng chiến Stor; làng Mơ Hra; đồi chè Biển Hồ, Hồ Ayun Hạ; thác Phú Cường; thác K50, Hang Dơi (huyện Kbang), vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Quảng trường Đại Đoàn Kết, Thủy điện Ia Ly. Phát triển du lịch cộng đồng được chú trọng, dần hình thành mô hình du lịch cộng đồng tại làng Mơ Hra-Đáp, xã Kông Long Khong, huyện Kbang.

Phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

e. Về công tác xóa đói, giảm nghèo

Công tác xóa đói, giảm nghèo được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm hàng đầu. Cơ sở hạ tầng của các xã, thôn làng đặc biệt khó khăn và vùng nông thôn được quan tâm đầu tư, đến nay 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; có 203/220 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 92,27%; 449/761 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 59%; có 110 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa được xây dựng riêng; 97,3% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; gần 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; Giai đoạn 2021- 2025 triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi; giảm nghèo bền vững; Nông thôn mới đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, đặc biệt hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thay đổi nhận

thức, tư duy, cách thức làm ăn của người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện; bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi, đời sống Nhân dân ngày càng tốt hơn.

Các chế độ, chính sách cho trẻ em được quan tâm; công tác chăm sóc, đối tượng người có công với cách mạng được chăm lo chu đáo. Công tác quản lý người hoạt động mại dâm tại cộng đồng, tổ chức cai nghiện ma túy được quan tâm.

f. Công tác phát triển Khoa học - công nghệ:

Tỉnh Gia Lai thực hiện quản lý 03 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình Quỹ gen, cấp thiết địa phương với tổng kinh phí là 18.650 triệu đồng.

Theo dõi, quản lý và hướng dẫn triển khai 14 dự án thuộc chương trình Nông thôn miền núi với tổng kinh phí đầu tư là 99.539 triệu đồng.

Quản lý và triển khai 41 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (trong đó dự kiến năm 2023 quản lý triển khai 08 nhiệm vụ).

Hoạt động ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống luôn được coi trọng, đặc biệt là các hoạt động KH&CN liên quan đến nông nghiệp, nông thôn phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, các mô hình, dự án đã phát huy hiệu quả và sát với nhu cầu thực tế, tiềm năng lợi thế của các đơn vị, địa phương.

Triển khai thực hiện phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 Kế hoạch triển khai Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Năm 2023, tiếp tục triển khai 01 mô hình truy xuất nguồn gốc cho 02 sản phẩm chanh leo và rầu riêng của tỉnh. Trên địa bàn tỉnh có 08 nhãn hiệu chứng nhận, 03 chỉ dẫn địa lý được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ⁴. Tiếp tục triển khai 01 nhiệm vụ cấp quốc gia, 04 nhiệm vụ cấp tỉnh, cơ sở về sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu chứng nhận Mật ong hoa cà phê Gia Lai, thuốc lá lá Krông Pa; Heo Broong - Đứơng Cơ - Gia Lai; Mắc ca Kbang - Kbang; quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Chanh dây Gia Lai.

1.2.8. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

Tình hình phân bổ vốn, giải ngân vốn các dự án thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025: Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện 3 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 là 3.838,626 tỷ đồng (trong đó: NSTW là 3.080,213 tỷ đồng, vốn NS tỉnh: 758,413 tỷ đồng), trong đó:

- Giao kế hoạch vốn ĐTPPT giai đoạn 2021-2025: 3.585,296 tỷ đồng, trong đó: NSTW: 2.826,883 tỷ đồng, NSĐP: 758,413 tỷ đồng (tại Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022).

- Trung ương giao bổ sung giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh là 253,33 tỷ đồng (tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của TTCP), HĐND tỉnh đã giao bổ sung vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 07/4/2023.

⁴ 11 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ gồm: Nhãn hiệu chứng nhận Gạo Phú Thiện, Rau An Khê, Rau Đak Pơ, Gạo Ia Lâu – Chư Prông, Phở khô Gia Lai, Bò Krông Pa – Gia Lai; Chanh dây Gia Lai; Chôm chôm Ia Grai – Gia Lai; chỉ dẫn địa lý Mang Yang cho sản phẩm gạo Ba Chấm của huyện Mang Yang; chỉ dẫn địa lý Chư Sê cho sản phẩm hồ tiêu (hạt tiêu) và Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Gia Lai.

* Năm 2022: Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình là 1.330,135 tỷ đồng (vốn NSTW: 980,398 tỷ đồng, NSDP: 349,737 tỷ đồng), trong đó: vốn đầu tư phát triển là: 784,030 tỷ đồng, trong đó: vốn NSTW: 662,653 tỷ đồng, NSDP: 121,377 tỷ đồng. Vốn sự nghiệp: 546,105 tỷ đồng, trong đó NSTW: 317,745 tỷ đồng, NSDP: 228,360 tỷ đồng.

Kết quả giải ngân năm 2022: tổng vốn đầu tư phát triển đã giải ngân là 386,992 tỷ đồng, đạt 54,97% kế hoạch giao; trong đó: giải ngân theo niên độ ngân sách 2022 (tính đến ngày 31/01/2023) là 376,879 tỷ đồng, đạt 53,53% kế hoạch giao; giải ngân vốn kéo dài sang năm 2023 là 10,113 tỷ đồng.

* Năm 2023: Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện 03 Chương trình là 1.690,163 tỷ đồng (vốn NSTW: 1.460,707 tỷ đồng, NSDP: 229,456 tỷ đồng). Trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 826,4 tỷ đồng (vốn NSTW: 739,49 tỷ đồng, NSDP: 86,91 tỷ đồng). Đến nay đã giải ngân 4,725 tỷ đồng, đạt 0,57% kế hoạch. Vốn sự nghiệp là 863,763 tỷ đồng (trong đó: NSTW: 721,217 tỷ đồng, NSDP: 142,546 tỷ đồng).

1.3. Đánh giá chung

Đề đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, chỉ đạo sâu sắc của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc quyết liệt, quyết tâm, phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị; sự ủng hộ, chia sẻ, tin tưởng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; kế thừa những kết quả, kinh nghiệm trong những nhiệm kỳ vừa qua và trong phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương đã bám sát và kịp thời triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, của Tỉnh ủy, HĐND. Nắm chắc tình hình và yêu cầu thực tiễn, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, có phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả; tập trung tháo gỡ rào cản, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực.

*** Tồn tại, hạn chế**

Chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh vẫn chưa bền vững; Trình độ ứng dụng khoa học công nghệ theo diện rộng và chiều sâu còn nhiều hạn chế; các lĩnh vực được xem là hướng đột phá như công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch... vẫn còn thiếu những quyết sách, cơ chế mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới chưa thật bền vững.

*** Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

Nguyên nhân khách quan: Các đợt dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trong năm 2021 quý I 2022 và diễn biến bất thường của thời tiết làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân, doanh nghiệp... Xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh thấp; cơ sở hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ; do ảnh hưởng biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, khó tiếp cận vốn tín dụng nên số lượng doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn còn cao.

Nguyên nhân chủ quan: Quy mô doanh nghiệp còn nhỏ chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của tỉnh; trình độ công nghệ và năng lực tiếp nhận chuyển giao

công nghệ còn yếu; sản phẩm chưa phong phú, sức cạnh tranh của hàng hóa chưa cao. Công tác tìm kiếm thị trường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh chưa hiệu quả. Chất lượng, hiệu quả của giáo dục đào tạo chưa cao, chưa đều giữa các vùng. Xoá đói giảm nghèo chưa thật sự vững chắc, nguy cơ tái đói nghèo còn cao. Công tác bảo vệ và quản lý môi trường còn chưa chặt chẽ.

II. Một số giải pháp hoàn thành mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế đến năm 2025

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

Nước ta hiện đã đạt được tỷ lệ tiêm chủng cao, giúp cho việc chuyển hướng chiến lược sang sống chung với COVID và xem đây là bệnh đặc hữu. Nền kinh tế đã được cải thiện và sự phục hồi kinh tế vẫn đang tiếp diễn, được hỗ trợ bởi các chính sách kinh tế vĩ mô; đã duy trì thành công sự ổn định về tài khóa, cán cân đối ngoại và ổn định tài chính. Với chính sách tài khóa đã hỗ trợ cho các hộ gia đình và doanh nghiệp thông qua việc giảm, giãn thuế và phí, đồng thời tăng chi thường xuyên và chi đầu tư. Ngân hàng Nhà nước duy trì thanh khoản, giảm lãi suất chính sách, yêu cầu các ngân hàng giảm hoặc miễn lãi suất, đồng thời cho phép tái cơ cấu lại nợ nhưng giữ nguyên nhóm nợ và trích lập dự phòng, đây là yếu tố cần thiết để giúp các ngân hàng vượt qua khủng hoảng một cách an toàn và ngăn thất chặt tín dụng. Đặc biệt, việc ban hành Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế kịp thời và phù hợp tạo điều kiện để thúc đẩy sự phục hồi kinh tế; giúp tăng trưởng kinh tế bền vững.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, cuộc chiến ở Ukraine đã khiến giá hàng hóa nguyên liệu thô, bao gồm lương thực, dầu mỏ và kim loại tăng vọt; sự phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro và chưa vững chắc của kinh tế thế giới như tình trạng lạm phát tiếp tục tăng cao và trở thành vấn đề lớn tại nhiều quốc gia; dịch COVID-19 vẫn còn tiếp diễn và chứa ẩn nhiều rủi ro; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu.

Năm 2023, nền kinh tế trong nước tiếp tục hội nhập ngày càng sâu rộng, trong đó chuẩn bị thực thi nhiều cam kết kinh tế quốc tế mới. Nền kinh tế của tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực theo hướng thông qua việc thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng; gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là công nghiệp điện tái tạo,... Ngoài ra, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực có chiều hướng gia tăng. Bên cạnh đó còn có nhiều khó khăn, thách thức lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như tình hình thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, nguy

cơ dịch bệnh có thể bùng phát, giá cả thị trường không ổn định sẽ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Huy động các nguồn lực dành cho đầu tư, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất cho đầu tư phát triển, công tác quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, bồi thường, giải phóng mặt bằng... gặp nhiều khó khăn.

Thực hiện có hiệu quả các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển các sản phẩm OCOP. Phát triển chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Chủ động phòng chống, không chế dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Hàng năm trồng mới 8.000 ha rừng và chăm sóc tốt diện tích rừng đã trồng; đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế và nâng cao độ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030.

Tập trung ưu tiên phát triển mạnh nhóm ngành công nghiệp lợi thế của tỉnh, như: Chế biến nông, lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo, sản xuất vật liệu không nung, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Phát triển mạnh các sản phẩm chủ lực của tỉnh gắn với chế biến theo hướng nâng cao giá trị gia tăng.

Xây dựng kế hoạch làm việc với các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh để nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời, giúp các nhà máy phát triển ổn định. Tăng cường đơn đốc hoàn thành các thủ tục để đưa các nhà máy điện gió vào vận hành, các nhà máy chế biến và các dự án nâng công suất nhà máy đi vào hoạt động sản xuất theo đúng tiến độ nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch và giá trị sản xuất công nghiệp.

Tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển thị trường, giao lưu với các vùng kinh tế lân cận, tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm; tiếp tục nâng cao giá trị và đưa những sản phẩm chủ lực của tỉnh vào các thị trường lớn để xuất khẩu như cao su, tinh bột mì, chế biến hạt điều, chè ...Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại, xây dựng thương hiệu, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại. Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành và công bố quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh và các chương trình, kế hoạch hành động của UBND tỉnh. Triển khai có hiệu quả Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương.

Sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng. Khai thác tốt nguồn vốn từ quỹ đất khi đầu tư các dự án. Kêu gọi các dự án đầu tư từ các nguồn xã hội hóa. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí.

Đẩy mạnh giải ngân các nguồn vốn đầu tư công hàng năm, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao, lấy kết quả thực hiện để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng dự án được giao vốn nhưng không giải ngân được hoặc giải ngân không hết kế hoạch vốn được giao.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế, tập trung trồng rừng, chuyển đổi sản xuất theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch, phát triển công nghiệp tái tạo, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn. Tăng cường công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên ở các ngành, doanh nghiệp kinh doanh dựa nhiều vào tài nguyên, các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm.

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thành lập mới doanh nghiệp để khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị.

Trên đây là nội dung báo cáo Chuyên đề năm 2023 của Cục Thống kê tỉnh Gia Lai về thực trạng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2023 và một số giải pháp phát triển kinh tế đến năm 2025. Cục Thống kê báo cáo Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê, Tổng Cục Thống kê để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTTK (b/c);
- Lãnh đạo Cục TK;
- Lưu: VT, TKTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Đình Tám